

Số : ...73...../NQHDQT-CSTN

Tây Ninh, ngày 24 tháng 01 năm 2020

**NGHỊ QUYẾT**  
**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

V/v thông qua kết quả SXKD ước thực hiện năm 2019  
và ước kế hoạch SXKD năm 2020

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH**

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh;
- Căn cứ Biên bản họp HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh ngày 24/01/2020,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua kết quả SXKD ước thực hiện năm 2019 và ước kế hoạch SXKD năm 2020 như sau:

**A. Kết quả SXKD ước thực hiện năm 2019:**

**A.1 Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh:**

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2019	Ước thực hiện 2019	Tỷ lệ (%)
<b>I. CHỈ TIÊU KHỐI LƯỢNG</b>				
1. Diện tích cao su khai thác	ha	3.986,09	3.986,09	100,0
2. Năng suất	tấn/ha	2,06	2,18	105,9
3. Sản lượng khai thác	tấn	8.200	8.680	105,9
4. Sản lượng chế biến	tấn	10.200	12.949	126,9
5. Sản lượng tiêu thụ	tấn	9.480,00	9.167,08	96,7
<b>II. CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH</b>				
1. Giá thành bình quân	Tr.đồng	30,25	30,29	100,1
- Giá thành khai thác	Tr.đồng	30,00	30,10	100,3
- Giá thành thu mua	Tr.đồng	32,43	34,78	107,3
2. Giá bán bình quân	Tr.đồng	32,96	33,74	102,4
- Giá bán khai thác	Tr.đồng	33,00	33,69	102,1
- Giá bán thu mua	Tr.đồng	32,63	34,96	107,2
3. Tổng doanh thu	Tr.đồng	389.761,98	407.262,92	104,5
4. Tổng chi phí	Tr.đồng	305.962,33	309.923,07	101,3
5. Tổng Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	83.799,67	97.339,86	116,2
6. Thuế TNDN phải nộp	Tr.đồng	13.431,27	15.818,03	117,8



<b>7. Tổng Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>70.368,40</b>	<b>81.521,83</b>	<b>115,9</b>
<b>8. Tỷ suất LNTT/Doanh thu</b>	<b>%</b>	<b>21,50</b>	<b>23,90</b>	<b>111,2</b>
<b>9. Tỷ suất LNTT/VĐL</b>	<b>%</b>	<b>27,93</b>	<b>32,45</b>	<b>116,2</b>
<b>10. Các khoản phải nộp ngân sách</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>33.867,07</b>	<b>41.439,44</b>	<b>122,4</b>
<b>III. CHỈ TIÊU ĐẦU TƯ</b>				
<b>1. Tổng nhu cầu vốn đầu tư</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>216.420,00</b>	<b>55.607,89</b>	<b>25,7</b>
1.1 Đầu tư XDCB	Tr.đồng	34.549,00	22.195,00	64,2
1.2 Đầu tư góp vốn công ty con	Tr.đồng	181.871,00	33.412,89	18,4
<b>2. Nguồn vốn</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>216.420,00</b>	<b>55.607,89</b>	<b>25,7</b>
- Khấu hao TSCĐ (Vốn CSH)	Tr.đồng	27.364,22	15.970,35	58,4
- Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	Tr.đồng	5.684,78	6.119,58	107,7
- Quỹ đầu tư phát triển	Tr.đồng	181.871,00	33.412,89	18,4
- Vốn khác (QPL)	Tr.đồng	1.500,00	105,07	7,0

### A.2 Công ty Tây Ninh Siêm Riệp PTCS:

- Tổng diện tích đất tự nhiên của Dự án: 7.231,17 ha

Trong đó: Diện tích trồng cao su 6.419,09 ha

- Thực hiện đến 31/12/2019:

+ Diện tích cao su đã đưa vào khai thác: 464,42 ha

+ Diện tích cao su KTCB: 5.954,67 ha

- Tình hình thực hiện vốn đến 31/12/2019: 1.157,26 tỷ đồng

+ Vốn chủ sở hữu: 882,56 tỷ đồng

+ Vốn vay: 274,70 tỷ đồng

- Năm 2019 là năm đầu tiên dự án đưa vào khai thác với diện tích 464,42 ha (trong đó diện tích rải vụ là 244,43 ha), sản lượng thực hiện 312,5 tấn/300 tấn kế hoạch, đạt 104,2% kế hoạch.

### B. Ước Kế hoạch SXKD năm 2020:

#### B.1 Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2020
<b>I. CHỈ TIÊU KHỐI LƯỢNG</b>		
<b>1. Diện tích cao su</b>	<b>ha</b>	<b>7.130,42</b>
- Diện tích khai thác	ha	3.709,27
- Diện tích chăm sóc KTCB	ha	2.735,65
- Diện tích tái canh	ha	553,03
- Diện tích cao su đang làm hồ sơ chuyển cây trồng (Nông nghiệp công nghệ cao)	ha	132,47
<b>2. Năng suất</b>	<b>tấn/ha</b>	<b>2,10</b>



3. Sản lượng khai thác	tấn	7.800
4. Sản lượng chế biến	tấn	9.800
5. Sản lượng tiêu thụ	tấn	9.100
<b>II. CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH</b>		
1. Giá thành tiêu thụ bình quân	Tr.đồng	29,5
2. Giá bán bình quân	Tr.đồng	31,5
3. Tổng doanh thu	Tr.đồng	377.536,86
4. Tổng chi phí	Tr.đồng	282.901,22
5. Tổng Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	94.635,64
6. Thuế TNDN phải nộp	Tr.đồng	16.622,62
7. Tổng Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	78.013,02
8. Tỷ suất LNTT/Doanh thu	%	25,07
9. Tỷ suất LNTT/VĐL	%	31,55
10. Các khoản phải nộp ngân sách	Tr.đồng	38.064,58
<b>III. CHỈ TIÊU ĐẦU TƯ</b>		
1. Tổng nhu cầu vốn đầu tư	Tr.đồng	275.949,13
1.1 Đầu tư XDCB	Tr.đồng	40.443,13
1.2 Đầu tư góp vốn công ty con	Tr.đồng	235.506,00
Trong đó: Vốn góp huy động từ công ty mẹ trong năm	Tr.đồng	64.647,00
2. Nguồn vốn:	Tr.đồng	275.949,13
- Khấu hao TSCĐ (Vốn CSH)	Tr.đồng	29.387,76
- Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	Tr.đồng	9.555,37
- Quỹ đầu tư phát triển	Tr.đồng	235.506,00
- Vốn khác (QPL)	Tr.đồng	1.500,00


### B.2 Công ty Tây Ninh Siêm Riệp PTCS:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2020
<b>I. CHỈ TIÊU KHỐI LƯỢNG</b>		
1. Diện tích cao su	ha	6.419,09
- Diện tích khai thác	ha	464,42
- Diện tích chăm sóc KTCB	ha	5.954,67
2. Năng suất:	tấn/ha	0,861
3. Sản lượng khai thác	tấn	400,000
4. Sản lượng chế biến	tấn	499,665
5. Sản lượng tiêu thụ	tấn	712,500
<b>II. CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH</b>		
1. Tổng doanh thu:	Tr.đồng	21.040,97
2. Tổng chi phí:	Tr.đồng	24.830,62
3. Tổng Lợi nhuận trước thuế:	Tr.đồng	-3.789,65
6. Tổng Lợi nhuận sau thuế:	Tr.đồng	-3.789,65
7. Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu:	%	-18,01
8. Các khoản phải nộp ngân sách tại Campuchia	Tr.đồng	1.334,35



<b>III. CHỈ TIÊU ĐẦU TƯ:</b>		
<b>1. Tổng nhu cầu vốn đầu tư:</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>243.475,00</b>
1.1 Đầu tư XDCB:	Tr.đồng	243.475,00
<b>2. Nguồn vốn:</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>243.475,00</b>
- Vốn chủ sở hữu	Tr.đồng	235.506,00
Trong đó: Vốn góp huy động từ công ty mẹ trong năm	Tr.đồng	64.647,00
- Vốn vay	Tr.đồng	7.969,00

**Điều 2.** Giao cho các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc nghiêm túc thực hiện Nghị quyết này.

Trên đây là toàn bộ nội dung Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh. 

**Nơi nhận:**

- HĐQT, Ban TGD;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**PHẠM THANH HÒA**



Tây Ninh, ngày 24 tháng 01 năm 2020

**BIÊN BẢN**  
**HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH**

Thời gian: 08 ngày 24/01/2020

Địa điểm: Văn phòng Công ty CP Cao su Tây Ninh

Thành phần:

- Phạm Thanh Hòa – Chủ tịch HĐQT
- Lê Văn Chành – TV. HĐQT
- Trương Văn Minh – TV. HĐQT
- Nguyễn Thái Bình – TV. HĐQT
- Võ Trần Minh Đăng - TV. HĐQT

Căn cứ Tờ trình số 72/TTTr-CSTN ngày 24/01/2020 của Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh,

Sau khi họp và bàn bạc, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh thống nhất thông qua kết quả SXKD ước thực hiện năm 2019 và ước kế hoạch SXKD năm 2020 như sau:

**B. Kết quả SXKD ước thực hiện năm 2019:**

**A.1 Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh:**

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2019	Ước thực hiện 2019	Tỷ lệ (%)
<b>I. CHỈ TIÊU KHỐI LƯỢNG</b>				
1. Diện tích cao su khai thác	ha	3.986,09	3.986,09	100,0
2. Năng suất	tấn/ha	2,06	2,18	105,9
3. Sản lượng khai thác	tấn	8.200	8.680	105,9
4. Sản lượng chế biến	tấn	10.200	12.949	126,9
5. Sản lượng tiêu thụ	tấn	9.480,00	9.167,08	96,7
<b>II. CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH</b>				
1. Giá thành bình quân	Tr.đồng	30,25	30,29	100,1
- Giá thành khai thác	Tr.đồng	30,00	30,10	100,3
- Giá thành thu mua	Tr.đồng	32,43	34,78	107,3
2. Giá bán bình quân	Tr.đồng	32,96	33,74	102,4
- Giá bán khai thác	Tr.đồng	33,00	33,69	102,1
- Giá bán thu mua	Tr.đồng	32,63	34,96	107,2
3. Tổng doanh thu	Tr.đồng	389.761,98	407.262,92	104,5
4. Tổng chi phí	Tr.đồng	305.962,33	309.923,07	101,3
5. Tổng Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	83.799,67	97.339,86	116,2



6. Thuế TNDN phải nộp	Tr.đồng	13.431,27	15.818,03	117,8
7. Tổng Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	70.368,40	81.521,83	115,9
8. Tỷ suất LNTT/Doanh thu	%	21,50	23,90	111,2
9. Tỷ suất LNTT/VĐL	%	27,93	32,45	116,2
10. Các khoản phải nộp ngân sách	Tr.đồng	33.867,07	41.439,44	122,4
<b>III. CHỈ TIÊU ĐẦU TƯ</b>				
1. Tổng nhu cầu vốn đầu tư	Tr.đồng	216.420,00	55.607,89	25,7
1.1 Đầu tư XDCB	Tr.đồng	34.549,00	22.195,00	64,2
1.2 Đầu tư góp vốn công ty con	Tr.đồng	181.871,00	33.412,89	18,4
2. Nguồn vốn	Tr.đồng	216.420,00	55.607,89	25,7
- Khấu hao TSCĐ (Vốn CSH)	Tr.đồng	27.364,22	15.970,35	58,4
- Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	Tr.đồng	5.684,78	6.119,58	107,7
- Quỹ đầu tư phát triển	Tr.đồng	181.871,00	33.412,89	18,4
- Vốn khác (QPL)	Tr.đồng	1.500,00	105,07	7,0

### A.2 Công ty Tây Ninh Siêm Riệp PTCS:

- Tổng diện tích đất tự nhiên của Dự án: 7.231,17 ha

Trong đó: Diện tích trồng cao su 6.419,09 ha

- Thực hiện đến 31/12/2019:

+ Diện tích cao su đã đưa vào khai thác: 464,42 ha

+ Diện tích cao su KTCB: 5.954,67 ha

- Tình hình thực hiện vốn đến 31/12/2019: 1.157,26 tỷ đồng

+ Vốn chủ sở hữu: 882,56 tỷ đồng

+ Vốn vay: 274,70 tỷ đồng

- Năm 2019 là năm đầu tiên dự án đưa vào khai thác với diện tích 464,42 ha (trong đó diện tích rải vụ là 244,43 ha), sản lượng thực hiện 312,5 tấn/300 tấn kế hoạch, đạt 104,2% kế hoạch.

### B. Ước Kế hoạch SXKD năm 2020:

#### B.1 Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2020
<b>I. CHỈ TIÊU KHỐI LƯỢNG</b>		
1. Diện tích cao su	ha	7.130,42
- Diện tích khai thác	ha	3.709,27
- Diện tích chăm sóc KTCB	ha	2.735,65
- Diện tích tái canh	ha	553,03
- Diện tích cao su đang làm hồ sơ chuyển cây trồng (Nông nghiệp công nghệ cao)	ha	132,47



2. Năng suất	tấn/ha	2,10
3. Sản lượng khai thác	tấn	7.800
4. Sản lượng chế biến	tấn	9.800
5. Sản lượng tiêu thụ	tấn	9.100
<b>II. CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH</b>		
1. Giá thành tiêu thụ bình quân	Tr.đồng	29,5
2. Giá bán bình quân	Tr.đồng	31,5
3. Tổng doanh thu	Tr.đồng	377.536,86
4. Tổng chi phí	Tr.đồng	282.901,22
5. Tổng Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	94.635,64
6. Thuế TNDN phải nộp	Tr.đồng	16.622,62
7. Tổng Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	78.013,02
8. Tỷ suất LNTT/Doanh thu	%	25,07
9. Tỷ suất LNTT/VĐL	%	31,55
10. Các khoản phải nộp ngân sách	Tr.đồng	38.064,58
<b>III. CHỈ TIÊU ĐẦU TƯ</b>		
1. Tổng nhu cầu vốn đầu tư	Tr.đồng	275.949,13
1.1 Đầu tư XDCB	Tr.đồng	40.443,13
1.2 Đầu tư góp vốn công ty con	Tr.đồng	235.506,00
Trong đó: Vốn góp huy động từ công ty mẹ trong năm	Tr.đồng	64.647,00
2. Nguồn vốn:	Tr.đồng	275.949,13
- Khấu hao TSCĐ (Vốn CSH)	Tr.đồng	29.387,76
- Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	Tr.đồng	9.555,37
- Quỹ đầu tư phát triển	Tr.đồng	235.506,00
- Vốn khác (QPL)	Tr.đồng	1.500,00

### B.2 Công ty Tây Ninh Siêm Riệp PTCS:



Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2020
<b>I. CHỈ TIÊU KHỐI LƯỢNG</b>		
1. Diện tích cao su	ha	6.419,09
- Diện tích khai thác	ha	464,42
- Diện tích chăm sóc KTCB	ha	5.954,67
2. Năng suất:	tấn/ha	0,861
3. Sản lượng khai thác	tấn	400,000
4. Sản lượng chế biến	tấn	499,665
5. Sản lượng tiêu thụ	tấn	712,500
<b>II. CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH</b>		
1. Tổng doanh thu:	Tr.đồng	21.040,97
2. Tổng chi phí:	Tr.đồng	24.830,62
3. Tổng Lợi nhuận trước thuế:	Tr.đồng	-3.789,65
6. Tổng Lợi nhuận sau thuế:	Tr.đồng	-3.789,65
7. Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu:	%	-18,01
8. Các khoản phải nộp ngân sách tại	Tr.đồng	1.334,35

Campuchia		
<b>III. CHỈ TIÊU ĐẦU TƯ:</b>		
<b>1. Tổng nhu cầu vốn đầu tư:</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>243.475,00</b>
1.1 Đầu tư XDCB:	Tr.đồng	243.475,00
<b>2. Nguồn vốn:</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>243.475,00</b>
- Vốn chủ sở hữu	Tr.đồng	235.506,00
Trong đó: Vốn góp huy động từ công ty mẹ trong năm	Tr.đồng	64.647,00
- Vốn vay	Tr.đồng	7.969,00

Cuộc họp kết thúc lúc 10 giờ cùng ngày.

**THÀNH VIÊN HĐQT**

**CHỦ TỊCH HĐQT**

- Lê Văn Chành ..... 
- Trương Văn Minh ..... 
- Nguyễn Thái Bình ..... 
- Võ Trần Minh Đăng ..... 



**PHẠM THANH HÒA**